

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ V  
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGS-ST  
Ngày 21 - 12- 2021  
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH P**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Cao V

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Đình Đ

2. Bà Vũ Thị Thái H

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đào Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa:**  
Bà Trần Khánh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Phùng Thị M, sinh năm 1964

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Đình D, sinh năm 1964

Đều ĐKKHKT: Khu 2, xã D, thành phố V, tỉnh P

(Bà M có đơn xin xét xử vắng mặt, ông D vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 20/10/2021, nguyên đơn bà Phùng Thị M trình bày:* Bà và ông Nguyễn Đình D đăng ký kết hôn ngày 12/7/1983 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Phù Ninh, tỉnh P (nay là thành phố V, tỉnh P). Trong quá trình chung sống xảy ra quá nhiều mâu thuẫn phát sinh không hòa giải được. Vì vậy, bà làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông D.

- Về con chung: Bà và ông D có 03 con chung là Nguyễn Trường Gi, sinh năm 1984; Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1991. Hiện nay, các con đã khôn lớn, trưởng thành Lo động tự túc được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung; công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bà có đơn từ chối công khai chứng cứ và hòa giải vụ án và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

*- Bị đơn ông Nguyễn Đình D đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc và vắng mặt không lý do.*

Quá trình giải quyết vụ án, do dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, do vậy, Tòa án nhân dân thành phố V đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông D thông qua chính quyền địa phương nơi ông D cư trú là Ủy ban nhân dân xã D, thành phố V, tỉnh P. Ngày 22/10/2021 ông Nguyễn Văn D - là Văn thư của xã D đã gửi các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông D nhưng ông D không có ở nhà nên ông Doanh đã giao văn bản tố tụng thông qua con gái ông D là chị Nguyễn Thị Thúy L. Tại Biên bản làm việc ngày 26/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố V với chị L, chị L cho biết và cam kết là đã giao ngay các văn bản tố tụng của Tòa án cho bố chị là ông D ngay sau khi nhận được. Tuy nhiên, ông D đã không đến Tòa án làm việc theo nội dung Giấy báo. Cùng ngày 26/10/2021, Tòa án đến nhà ông Nguyễn Đình D để trực tiếp giao các văn bản tố tụng cho ông D nhưng ông D cũng không có ở nhà. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự và đảm bảo vụ án được giải quyết khách quan, đúng quy định pháp luật, Tòa án đã tiến hành xác M và niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Đình D tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã D; nhà văn hóa khu 2, xã D và trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 26/10/2021, Tòa án tiến hành xác M tại chính quyền địa phương nơi cư trú của ông Nguyễn Đình D và được chính quyền địa phương cho biết: Bà Phùng Thị M và ông Nguyễn Đình D là công dân của xã hiện đang cư trú và sinh sống tại khu 2, xã D, thành phố V, tỉnh P. Về tình trạng hôn nhân: Bà M và ông D là vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D vào sổ đăng ký kết hôn số 19 ngày 18/7/1983. Thời gian gần đây vợ chồng có lục đục mâu thuẫn, có lần bà M có báo khu giải quyết việc vợ chồng va chạm, nhưng chính quyền chưa hòa giải và giải quyết lần nào. Vào khoảng tháng 6/2021, Tòa án nhân dân thành phố V có đến Ủy ban nhân dân xã D để làm việc và giải quyết việc bà M xin ly hôn ông D. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền cho công dân. Về con chung: Theo báo cáo về nhân khẩu thì bà M và ông D có 03 con chung là Nguyễn Trường Gi, sinh năm 1984; Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1988 và Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1991. Hiện nay, đều đã trưởng thành và sinh sống ở khu 2, xã D, thành phố V, tỉnh P.

Quá trình giải quyết vụ án bà M có đơn từ chối công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39;

điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị M. Xử cho bà Phùng Thị M được ly hôn ông Nguyễn Đình D.

- Về con chung: Các con chung đã khôn lớn, trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Bà M đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: bà M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết được xác định: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” giữa nguyên đơn bà Phùng Thị M và bị đơn ông Nguyễn Đình D. Ông D có hộ khẩu thường trú tại: khu 2, xã D, thành phố V, tỉnh P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P là đúng quy định pháp luật.

- Đối với nguyên đơn bà Phùng Thị M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Đình D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông D.

[2]. Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân giữa bà Phùng Thị M và ông Nguyễn Đình D là hôn nhân hợp pháp. Theo như bà M trình bày thì quá trình chung sống vợ chồng phát sinh quá nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được. Hồ sơ thể hiện ngày 02/7/2021, bà M đã nộp đơn ra Tòa án nhân dân thành phố V xin ly hôn ông D. Sau khi thụ lý, giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ và bà M đã rút đơn, do vậy tại Quyết định số: 80/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2021 Tòa án nhân dân thành phố V đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, đến nay bà M lại nộp đơn đề nghị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông D, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M và ông D đã rất trầm trọng. Quá trình giải quyết vụ án, tuy không lấy được lời khai của ông D nhưng qua việc xác M tại chính quyền địa phương nơi ông D cư trú được chính quyền địa phương xác nhận: Vợ chồng bà M, ông D có mâu thuẫn, có lần bà M đã báo khu giải quyết việc vợ chồng va chạm. Từ những căn cứ trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M và ông D rất trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà M đối với ông D là có căn cứ, được chấp nhận cho ly hôn.

- Về con chung: Xác định vợ chồng bà M, ông D có 03 con chung là Nguyễn Trường Gi, sinh năm 1984; Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1991. Hiện nay, các con chung đã khôn lớn, trưởng thành Lo động tự túc được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Do ông D không có lời khai nên không xác định được khối tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân của bà M, ông D, Tuy nhiên, ly hôn bà M đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này là phù hợp.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Phùng Thị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

*V× c, c lĩ tr<sup>a</sup>n;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phùng Thị M được ly hôn ông Nguyễn Đình D.

2. Về con chung: Xác định vợ chồng bà M, ông D có 03 con chung là Nguyễn Trường Gi, sinh năm 1984; Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1991. Hiện nay các con chung đã khôn lớn, trưởng thành, Lo động tự túc được nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Phùng Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận bà M đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên Li thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0009647 ngày 13/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P.

5. Bà M, ông D vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh P trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị*

*cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. V, T P;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TP. V, T. P;
- UBND xã D, TP. V, tỉnh P;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Cao V**

